

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HC-ST

Ngày: 17 - 10 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Bích Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lèo Thị Chan

2. Ông Thào A Mua

Thư ký phiên toà: Bà Lê Thu Phương là Thư ký của Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2017, tại Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 06/2017/TLST-HC ngày 21 tháng 4 năm 2017 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST ngày 07 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện: Ông Vàng Thanh T; địa chỉ: Bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La; có mặt.*

2. *Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La; Đại diện theo ủy quyền: Ông Bạc C K – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện TC; có mặt.*

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Và SC; địa chỉ: Bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La; có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện và bản tự khai của Người khởi kiện - Ông Vàng Thanh T trình bày như sau:*

Ngày 13 tháng 4 năm 2016 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC ban hành quyết định số 1171/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Và SC với hộ gia đình ông Vàng Thanh T trong đó có nội dung công nhận diện tích 3.682,4m² đất tại thửa đất lô số 6 thuộc bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc quyền sử dụng của ông Và SC.

Ông Vàng Thanh T không đồng ý với quyết định nêu trên vì cho rằng, UBND huyện TC công nhận 3.682,4m² đất thuộc quyền sử dụng của ông Và SC

là không chính xác; đồng thời việc lấy phiếu ý kiến khu dân cư trong quá trình xác minh về nguồn gốc đất hoàn toàn là giả mạo. Vì những lý do trên, ông T yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của Chủ tịch UBND huyện TC.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND huyện TC đã có văn bản đính chính lại diện tích theo Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 về việc điều chỉnh giảm diện tích đất đã công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông Và SC, bản CM, xã CM từ 3.682,4m² xuống còn 964,4m². Ngày 25/8/2017 ông Vàng Thanh T có đơn khởi kiện bổ sung với nội dung không chấp nhận việc công nhận diện tích 964,4m² đất là của ông Và SC. Đề nghị Tòa án xem xét và hủy Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện TC.

** Theo Bản ghi ý kiến, phần trình bày tại phiên đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm của Người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC – Đại diện theo ủy quyền: Ông Bạc C K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC trình bày như sau:*

Ông Vàng Thanh T và ông Và SC có tranh chấp với nhau một diện tích đất tại bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La (diện tích đất này chưa có GCNQSDĐ). UBND huyện TC và UBND xã CM đã tổ chức hòa giải nhiều lần giữa các bên nhưng đều không thành. Trên cơ sở điều tra xác minh, báo cáo của Phòng Tài Nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện TC đã căn cứ vào: Nguồn gốc đất đang có tranh chấp là đất của ông Và NC đã sử dụng ổn định, lâu dài sau đó cho con là ông Và SC và biên bản xác minh các hộ dân tại bản CM để công nhận quyền sử dụng đất của ông Và SC. Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện TC được ban hành theo đúng trình tự và thủ tục do pháp luật quy định. Do vậy, Chủ tịch UBND huyện TC cho rằng, yêu cầu của ông Vàng Thanh T đưa ra là không có căn cứ.

** Ý kiến của Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – ông Và SC:*

Diện tích đất đang có tranh chấp là do ông Và NC khai hoang. Sau khi ông Và SC lập gia đình, ông Chu đã chia cho ông C đất từ năm 1994. Năm 1998 ông T di cư từ L H về xã CM, ông T đã xin gia đình ông Chu cho một diện tích đất để ở và sinh sống. Năm 2013, ông Ch đi tù về có yêu cầu gia đình ông T trả lại diện tích đất nhưng không được nên hai gia đình xảy ra tranh chấp. Ủy ban nhân dân xã CM và Ủy ban nhân dân huyện TC đã hòa giải sau đó công nhận diện tích đất nêu trên là của gia đình ông Chử. Nay ông T khởi kiện ra Tòa án vì không chấp nhận quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TC. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự tham gia phiên tòa như sau:

** Ý kiến tranh luận của Người khởi kiện:*

Ông Vàng Thanh T cho rằng, Ủy ban nhân dân huyện TC chưa xem xét rõ nguồn gốc của diện tích đất đang có tranh chấp, việc cho đất giữa ông Chu và ông Chử không có giấy tờ chứng minh, việc lấy phiếu ý kiến khu dân cư là giả mạo nhưng vẫn ra quyết định công nhận diện tích đất đang có tranh chấp là của gia đình ông Và SC là sai, vi phạm các quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện TC đã căn cứ vào việc ông Và NC đã sử dụng đất ổn định lâu dài sau đó cho con trai là Và SC, căn cứ vào việc lấy phiếu ý kiến tại khu dân cư để xác định, diện tích đang có tranh chấp là của gia đình ông Và SC. Việc ông Vàng Thanh T không chấp nhận quyết định của Ủy ban nhân dân huyện TC và khởi kiện ra Tòa án. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

Diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện TC công nhận cho gia đình ông Và SC có nguồn gốc từ bố của ông Chử là ông Và NC. Năm 1998, ông Chu có cho ông T mượn một diện tích đất để dựng nhà và sinh sống, sau đó ông Chử đi tù về và xảy ra tranh chấp về đất đai. Nay ông T khởi kiện ra Tòa án, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Về tố tụng: Thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được pháp luật quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhận định: Về nguồn gốc đất, UBND huyện TC cho rằng là đất của ông Và NC cho con là ông Và SC; tuy nhiên, chưa xác minh rõ về nguồn gốc đất của ông Và NC. Căn cứ vào lời khai của những người liên quan thì nguồn gốc đất là của UBND xã CM đã cho các hộ mượn để sản xuất và canh tác, việc cho mượn không có giấy tờ chứng minh. Như vậy, xét về nguồn gốc đất ông C không có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất nêu trên nên việc UBND huyện TC xác nhận là đất của ông Và NC là không chính xác. Quá trình lấy lời khai của các bên còn nhiều mâu thuẫn, tuy nhiên UBND huyện TC không xác minh làm rõ những mâu thuẫn nêu trên mà đã ban hành quyết định số 1171 và quyết định 2731 là không chính xác. Căn cứ vào Điều 91 của Nghị định 43 về việc giải quyết tranh chấp đất đai khi chưa có giấy tờ. Xét thấy, việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Và SC theo QĐ số 1171 và QĐ 2731 là không chính xác. Trên cơ sở đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Thanh T, hủy quyết định số 1171 và quyết định 2731 của UBND huyện TC. Kiến nghị UBND huyện TC xem xét và công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên

toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét căn cứ và cơ sở pháp luật để Ủy ban nhân dân huyện TC ban hành quyết định hành chính bị kiện:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và căn cứ vào biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã CM của Tòa án thì đối với diện tích đang tranh chấp giữa gia đình ông Vàng Thanh T và gia đình ông Và SC hiện nay chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các giấy tờ khác theo quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2013.

Theo quy định tại Điều 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất thì việc giải quyết được dựa theo những căn cứ sau:

“a) Chứng cứ về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất do các bên tranh chấp đất đai đưa ra;

b) Thực tế diện tích đất mà các bên tranh chấp đang sử dụng ngoài diện tích đất đang có tranh chấp và bình quân diện tích đất cho một nhân khẩu tại địa phương;

c) Sự phù hợp của hiện trạng sử dụng thửa đất đang có tranh chấp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Chính sách ưu đãi người có công của Nhà nước;

đ) Quy định của pháp luật về giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất.”

Căn cứ để Ủy ban nhân dân huyện TC ban hành Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2017 là việc xem xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất do các bên đưa ra theo quy định tại điểm a Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện TC chưa xem xét cụ thể về thực tế sử dụng đất, sự phù hợp với quy hoạch đất của địa phương, chính sách ưu đãi người có công của Nhà nước và các quy định của pháp luật về giao đất theo quy định tại điểm b, c, d, đ Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP. Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC mới chỉ áp dụng một trong năm căn cứ mà pháp luật quy định để giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Vàng Thanh T và hộ gia đình ông Và SC nên việc ban hành Quyết định số 1171/QĐ-UBND và Quyết định số 2731/QĐ-UBND là chưa đầy đủ, không đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nguồn gốc đất: Theo Báo cáo số 24/BC-TNMT ngày 04/4/2016 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện TC thì nguồn gốc đất đang có tranh chấp là đất nương của ông Và NC sử dụng sau đó để lại cho con là ông Và SC; tuy nhiên, việc ông Và N C có quyền sử dụng hợp pháp đối với diện tích đất đang

có tranh chấp hay không thì Ủy ban nhân dân huyện TC chưa xác định. Do đó, chưa thể khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông Và SC.

Căn cứ vào nội dung Biên bản hòa giải ngày 12/11/2015 do UBND huyện TC tiến hành với các phòng ban của huyện và của UBND xã CM, căn cứ vào biên bản xác minh do Tòa án tiến hành đối với ông Giàng Nỏ Ch (Nguyên là Chủ tịch UBND xã CM thời gian từ năm 1997 đến năm 1999), ông Vũ Chồng D (Nguyên là Ủy viên Ban chỉ đạo vùng cao của huyện TC năm 1986 đặt tại xã CM) thì nguồn gốc của diện tích đất đang có tranh chấp thời điểm năm 1980 là do Nông (Lâm) trường C2 quản lý, sau khi Nông (Lâm) trường C2 chuyển đi đã bàn giao lại cho Ủy ban nhân dân xã CM và Ban chỉ đạo vùng cao Tây Bắc. Sau đó, UBND xã CM đã giao cho 4 (bốn) cán bộ của xã dưới hình thức cho mượn đất để sản xuất trong đó có hộ gia đình ông Và NC, việc bàn giao đất không có giấy tờ chứng minh. Theo quy định của Luật Đất đai 1987 thì chỉ có UBND cấp tỉnh và cấp huyện mới có thẩm quyền giao đất và phải thông qua một quyết định giao đất cụ thể. Trong vụ việc nêu trên, ông Và NC được Ủy ban nhân dân xã CM cho mượn đất để sử dụng chứ không được giao quyền sử dụng đất. Do vậy, ông Và NC không có quyền cho người khác diện tích đất đã mượn của UBND xã CM. Việc ông Và SC khai được ông Và NC cho diện tích đất đang có tranh chấp là chưa có cơ sở chấp nhận.

Việc UBND xã CM lấy phiếu ý kiến khu dân cư để xác định về nguồn gốc đất đang có tranh chấp ngày 05/2/2015 là giả mạo. Sau đó, UBND xã CM đã thực hiện lại việc lấy phiếu ý kiến khu dân cư vào ngày 05/4/2016. Tuy nhiên, trong nội dung các phiếu lấy ý kiến đều chưa xác định rõ về nguồn gốc diện tích đang có tranh chấp, do vậy chưa có cơ sở để khẳng định diện tích đất đang có tranh chấp là đất của ông Và SC.

[3] Xét về thực tế và thời gian sử dụng đất: Qua việc đối chiếu lời khai của các bên và xác minh thông qua những người biết về nguồn gốc đất thì thời điểm năm 1980, sau khi nhận bàn giao đất từ Nông trường C2, UBND xã CM đã cho các cán bộ của xã mượn đất để sản xuất trong đó có hộ gia đình ông Và NC đã trồng cây chè trên diện tích đất đó và sau này giao lại cho con trai là Và SC. Tuy nhiên ông Chử cũng không sử dụng đất đó mà bỏ hoang từ đó cho tới năm 1997, gia đình ông T đến ở và sử dụng, sản xuất đó ổn định cho tới nay. Như vậy, xét về thời gian sử dụng đất thực tế thì ông T là người sử dụng đất trên thực tế lâu nhất. Tuy nhiên, UBND huyện TC lại xác định ông Và SC là người có quyền sử dụng đất hợp pháp đối với diện tích đất đang có tranh chấp là chưa có căn cứ.

[4] Xét về các giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất: Việc cho mượn đất giữa UBND xã CM, ông Và NC, ông Và Sênh Ch và ông Vàng Thanh T đều không có giấy tờ ghi nhận mà chỉ căn cứ vào lời khai của các bên và những người có liên quan. Trong quá trình xác minh và lấy ý kiến về nguồn gốc đất đang có tranh chấp, lời khai giữa các bên đều có sự mâu thuẫn, không thống nhất. Tuy nhiên, Chủ tịch UBND huyện TC chưa yêu cầu các phòng, ban chuyên môn làm rõ các mâu thuẫn trong lời khai của các bên, chưa đối chiếu với lời khai của những

người có liên quan nhưng vẫn công nhận diện tích đất đang có tranh chấp là đất của ông Và SC là không khách quan.

Do chưa áp dụng đầy đủ các căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, chưa xác định chính xác nguồn gốc đất đang có tranh chấp, việc lấy lời khai còn nhiều mâu thuẫn nhưng Chủ tịch UBND huyện TC vẫn ban hành Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 để công nhận 964,4m² đất tại Bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La thuộc quyền sử dụng của ông Và SC là không có căn cứ. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Thanh T là có căn cứ cần phải tuyên hủy hai quyết định hành chính nêu trên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đồng thời kiến nghị Chủ tịch UBND huyện TC xem xét và giải quyết lại tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Vàng Thanh T và hộ gia đình ông Và SC theo đúng các quy định của pháp luật.

[5] Về phần tài sản trên đất: Căn cứ vào Biên bản định giá ngày 06/9/2017 và Kết luận định giá tài sản ngày 19/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản, hiện nay trên diện tích đất đang có tranh chấp có 03 (ba) công trình nhà và cây cối, hoa màu của ông Vàng Thanh T và ông Và SC với tổng giá trị tài sản trên đất là 28.392.000 đồng (*Hai tám triệu ba trăm chín hai nghìn đồng*). Tuy nhiên, trong phạm vi giải quyết vụ án hành sơ thẩm chính theo quy định tại Điều 193 của Luật tố tụng hành chính, Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, không có thẩm quyền công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang có tranh chấp nên chưa có cơ sở để giải quyết đối với phần tài sản trên đất.

[6] Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Thanh T được chấp nhận nên ông T không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm và phải hoàn trả cho ông Vàng Thanh T số tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản là: 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Thanh T được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 366, khoản 1 Điều 367 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vàng Thanh T, hủy Quyết định số 1171/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 và Quyết định số 2731/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của Chủ tịch UBND huyện TC, đồng thời kiến nghị Chủ tịch UBND huyện TC xác minh lại nguồn gốc đất và các quy định tại Điều 91 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 để giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình ông Vàng Thanh T và hộ gia đình ông Và SC.

Tạm giao cho ông Vàng Thanh T quản lý và sử dụng 964,4m² đất tại bản CM, xã CM, huyện TC, tỉnh Sơn La.

2. Án phí:

Ông Vàng Thanh T được trả lại 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí đã nộp số AA/2013/03465 ngày 21/4/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện TC phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm và hoàn trả lại cho ông Vàng Thanh T 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản theo Thông báo chi phí thẩm định giá tài sản và trả lại tiền tạm ứng còn thừa số 2077/TB-TA ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;

3. Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/10/2017).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Bích Hồng